

# Chương 2

## PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG VÀ CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CỦA DỰ ÁN

# I- NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ

1. Các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển ngành vùng của dự án.
2. Điều kiện về địa lý tự nhiên (địa hình, khí hậu, địa chất .v.v. ..)
3. Điều kiện về dân số và lao động có liên quan đến nhu cầu và khuynh hướng tiêu thụ sản phẩm, đến nguồn lao động cung cấp cho dự án.
4. Tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước, của địa phương, tình hình phát triển sản xuất kinh doanh của ngành

5. Hệ thống kinh tế và các chính sách

6. Tình hình ngoại thương và các chế định có liên quan như tình hình xuất nhập khẩu, thuế xuất nhập khẩu, chính sách tỷ giá hối đoái ...

Tuy nhiên, những dự án nhỏ không cần nhiều dữ liệu kinh tế vĩ mô như vậy. Còn các dự án lớn thì tùy thuộc vào mục tiêu, đặc điểm và phạm vi tác dụng của dự án để xem xét.

# NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG CHO SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Các câu hỏi cần trả lời:

- Sản xuất sp gì?
- Sản phẩm cạnh tranh (thay thế)? Phương án giải quyết?
- Sản phẩm kèm theo (bổ sung)?
- Vùng thị trường tiêu thụ?

- Xác định quy mô thị trường hiện tại, tương lai:

### Hiện tại:

- DN trong nước cung cấp?
- Nhập khẩu?
- Xuất khẩu?
- Tồn kho?

### Tương lai:

Tiến hành dự báo.

# LỰA CHỌN CÔNG SUẤT CỦA DỰ ÁN

## Công suất máy móc thiết bị:

- Công suất lý thuyết: Tối đa theo lý thuyết
- Công suất thiết kế: Đạt được trong đk bình thường theo thiết kế (không bị gián đoạn)- Là cơ sở để tính nhu cầu và quy mô đầu tư.
- Công suất thực tế: Đạt được trong đk thực tế (trừ gián đoạn) – Là cơ sở tính lợi ích chi phí, hiệu quả
- Công suất hòa vốn: Công suất tối thiểu (thu = chi).

# Công suất của dự án

- **Xác định công suất bình thường có thể của dự án.**  
Là số sản phẩm cần sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường mà dự án dự kiến sẽ chiếm lĩnh.

Ví dụ:

Một dự án sản xuất bia, sau khi nghiên cứu thị trường đã xác định được phần nhu cầu mà dự án sẽ đáp ứng là 9.600.000 người uống bia, với mức uống bình quân 1 người 1 ngày là 0,25 lít. Vậy công suất bình thường có thể của dự án này là:

$$9.600.000 \times 0,25 \times 365 = 876.000.000 \text{ lít/năm.}$$

Biết rằng 1 năm có 8.760 giờ, thì công suất bình thường có thể của dự án này là:

$$\frac{876.000.000 \text{ l/n}}{8.760 \text{ h/n}} = 100.000 \text{ lít/giờ}$$

- **Công suất tối đa danh nghĩa:**

Biểu hiện bằng số sản phẩm cần sản xuất vừa để đủ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường mà dự án sẽ chiếm lĩnh, vừa để bù vào những hao hụt tổn thất trong quá trình sản xuất, lưu kho, vận chuyển và bốc dỡ.

Trong thí dụ trên, giả sử hao hụt trong bốc dỡ là 5%. Vậy để có được số bia đưa ra thị trường là 876.000.000lít/năm thì số bia trước khi bốc dỡ phải là:

$$\frac{876.000.000 \text{ l/n}}{95} \times 100 = 922.105.000 \text{ lít/năm.}$$

Nếu mức độ hao hụt trong vận chuyển là 10%, thì số bia cần đưa ra để vận chuyển là:

$$\frac{922.105.000 \text{ l/n}}{90} \times 100 = 1.024.061.000 \text{ lít/năm}$$

Ngoài ra, mức hao hụt trong sản xuất và lưu kho là 5%. Vậy số bia cần sản xuất là:

$$\frac{1.024.061.000 \text{ l/n}}{95} \times 100 = 1.078.500.000 \text{ lít/năm.}$$

Số lượng bia 1.078.500.000 lít/năm chính là công suất tối đa danh nghĩa.

- **Công suất sản xuất của dự án :**

Là số sản phẩm mà dự án cần sản xuất trong một đơn vị thời gian nhỏ nhất (giờ hoặc ca) để đáp ứng nhu cầu của thị trường mà dự án có thể và cần chiếm lĩnh có tính đến thời gian và chế độ làm việc của lao động, của máy móc thiết bị trong năm.

Trong thí dụ trên, nếu nhà máy làm việc 261 ngày/năm, mỗi ngày làm việc 1 ca (8 giờ) thì số bia cần sản xuất 1 giờ là:

$$\frac{1.078.500.000}{261 \cdot 8} = 516.500 \text{ lít/ giờ.}$$

Nếu thời gian nghỉ việc giữa ca là 10% thì mỗi giờ phải sản xuất là:

$$\frac{516.500}{90} \times 100 = 573.889 \text{ lít/giờ.}$$

Như vậy: 573.889 lít/giờ chính là công suất sản xuất của dự án.

• Công suất khả thi của dự án và mức sản xuất dự kiến:

*Bảng mức sản xuất dự kiến cả đời dự án có dạng sau đây*

Tên sản phẩm sản xuất	Năm						
	Thứ 1		Thứ 2		Thứ 3		...
	% công suất	Sản lượng	% công suất	Sản lượng	% công suất	Sản lượng	
A. Sản phẩm chính							
A							
B							
B. Sản phẩm phụ							
C							